

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HS-ST  
Ngày 10 - 5 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Hoài Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Phan Thị Gái;  
ông Bùi Văn Thảng.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trần Thị Kiều Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử số 01, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

**Hoàng Thị Ánh Ngọc;** sinh ngày 20/10/1983 tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn Trúc Lâm, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn Ly, sinh năm 1960 trú tại thôn Hà Thanh, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị và bà Hoàng Thị Chanh, sinh năm 1955, trú tại thôn Trúc Kinh, xã Thanh An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; có chồng và 02 con, con lớn sinh năm 2005 và con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/10/2023 đến ngày 29/10/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trường Giang, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Từ ngày 18/7/2023 đến 01/9/2023, bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc đã cho chị Nguyễn Thị Tuyết (*trú tại khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị*) vay nhiều lần, với tổng số tiền giao dịch là 2.700.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương đương 109,5%/năm. Bị cáo Ngọc đã nhận tiền lãi nhiều lần với tổng số là 173.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hưởng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 31.671.233 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 141.728.767 đồng, cụ thể:

**Lần thứ 1:** Ngày 18/7/2023, bị cáo Ngọc cho bà Tuyết vay 900.000.000đồng. Ngày 18/7/2023, bà Tuyết trả tiền lãi 01 ngày là 2.700.000đồng. Ngày 23/7/2023, bà Tuyết trả tiền lãi 05 ngày (từ ngày 19/7/2023 đến ngày 23/7/2023) là 13.500.000đồng. Ngày 28/7/2023, bà Tuyết trả tiền lãi 05 ngày (từ ngày 24/7/2023 đến ngày 28/7/2023) là 13.500.000đồng, gốc chưa trả.

**Lần thứ 2:** Ngày 19/7/2023, bị cáo Ngọc cho bà Tuyết vay 900.000.000đồng, thời hạn vay 09 ngày, tổng tiền lãi Ngọc đã nhận là 15.900.000đồng. Trong đó: Ngày 20/7/2023, Tuyết trả tiền lãi 02 ngày (từ ngày 19/7/2023 đến ngày 20/7/2023) là 5.400.000đồng và 400.000.000đồng tiền gốc. Ngày 25/7/2023, Tuyết trả cho bị cáo Ngọc tiền lãi 05 ngày (từ ngày 21/7/2023 đến ngày 25/7/2023) là 7.500.000 đồng. Ngày 27/7/2023, bà Tuyết trả tiền lãi 02 ngày (từ ngày 26/7/2023 đến ngày 27/7/2023) là 3.000.000 đồng và 500.000.000 đồng tiền gốc, kết thúc gói vay.

**Lần thứ 3:** Ngày 25/7/2023, bị cáo Ngọc cho bà Tuyết vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày. Ngày 27/7/2023, bà Tuyết trả 2.700.000 đồng tiền lãi và 300.000.000 đồng tiền gốc, kết thúc gói vay.

**Lần thứ 4:** Ngày 28/7/2023, bị cáo Ngọc cho bà Tuyết vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 16 ngày, tổng số tiền lãi Ngọc đã nhận là 4.800.000 đồng, trong đó: ngày 28/7/2023: 300.000 đồng; ngày 02/8/2023: 15.000.000 đồng (*tiền lãi của gói vay lần thứ 1 là 13.500.000 đồng, của gói vay lần thứ 4 là 1.500.000 đồng*); ngày 07/8/2023: là 15.000.000 đồng (*trong đó tiền lãi của gói vay lần thứ 1 là 13.500.000 đồng; tiền lãi của gói vay lần thứ 4 là 1.500.000 đồng*); ngày 12/8/2023: 15.000.000 đồng (*trong đó tiền lãi của gói vay lần thứ 1 là 13.500.000 đồng; tiền lãi của gói vay lần thứ 4 là 1.500.000 đồng*); ngày 17/8/2023: 15.000.000 đồng (*trong đó tiền lãi của gói vay lần thứ 1 là 13.500.000 đồng; tiền lãi của gói vay lần thứ 4 là 1.500.000 đồng*), tiền gốc chưa trả.

**Lần thứ 5:** Ngày 01/8/2023, bị cáo Ngọc cho bà Tuyết vay 500.000.000 đồng. Thời hạn vay 15 ngày, tổng tiền lãi Ngọc đã nhận là 22.500.000 đồng, trong đó: ngày 05/8/2023: 7.500.000 đồng; ngày 10/8/2023: 7.500.000 đồng; ngày 15/8/2023: 7.500.000 đồng.

Ngày 18/8/2023, Tuyết còn nợ bị cáo Ngọc 03 gói vay (gói vay 1, 4 và gói vay 5) với tổng số tiền vay 1.500.000.000 đồng, Ngọc tách thành 02 khoản để tính lãi như sau:

Khoản vay 600.000.000 đồng, bà Tuyết trả tiền lãi trong thời hạn 01 ngày (từ ngày 16/8/2023 đến ngày 17/8/2023) là 1.800.000 đồng và 194.400.000 đồng tiền gốc, còn nợ 405.600.000 đồng tiền gốc. Từ ngày 18/8/2023, Ngọc tính cho bà Tuyết lãi suất 2000đồng/triệu/ngày.

Gói vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày 18/8/2023, tổng tiền lãi bị cáo bị cáo Ngọc đã nhận 40.500.000 đồng, trong đó: Ngày 22/8/2023: 13.500.000 đồng; Ngày 27/8/2023: 13.500.000 đồng; Ngày 01/9/2023: 13.500.000 đồng.

Đến nay, bà Tuyết còn nợ bị cáo Ngọc 1.305.600.000 đồng.

Kết luận giám định số 304/KL-KTHS ngày 22/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, giám định đối với “Giấy mượn tiền” số tiền 900.000.000 đồng ngày 05/9/2023 (ký hiệu A2) và “Giấy mượn tiền” số tiền 600.000.000 đồng ngày 18/8/2023 (ký hiệu A1) giữa vợ chồng Nguyễn Trường Giang, Nguyễn Thị Tuyết và Hoàng Thị Ánh Ngọc, kết luận:

Chữ viết (trừ phần chữ ký, chữ viết dưới mục “Ký người mượn tiền”) trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ viết trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Chữ viết (trừ phần chữ ký, chữ viết dưới mục “ký người mượn tiền”) trên mẫu A1, A2 với chữ viết (trừ phần chữ viết với nội dung “Q.Trị...26...10...2023” và chữ ký, chữ viết mang tên Hồ Quyết Thắng ở vị trí trên và dưới mục “CÁN BỘ TIẾP NHẬN”) trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Trường Giang dưới mục “Ký người mượn tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Trường Giang trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Tuyết dưới mục “Ký người mượn tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Tuyết trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra. (Bút lục: 62-63)

**Đồ vật, tài liệu thu giữ:**

- 02 giấy mượn tiền, trên đó có chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Trường Giang và chị Nguyễn Thị Tuyết, được viết trên giấy kẻ ô li, phía dưới bên phải giấy có in Logo “HONGHA”.

- Xe ô tô KIA K3 màu trắng 74A-032.91, số khung 41A6EC046598, số máy G4FGDH669463. Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004158, mang tên Hoàng Thị Ánh Ngọc. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 02 tập sao kê tài khoản ngân hàng Agribank số 3905205063036 và BIDV số 5400445634 mang tên Hoàng Thị Ánh Ngọc; bản sao Căn cước công dân của Hoàng Thị Ánh Ngọc, số 045183007777; tập tài liệu gồm 153 trang, có dòng chữ “Vi bằng số: 97/2023/VB-TPLĐH” lập ngày 08/9/2023 tại Văn Phòng Thừa phát lại Đồng Hới, địa chỉ phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, các tài liệu trên được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Điện thoại IPHONE 12 PRO màu xám, đã qua sử dụng, số IMEI: 354523337369964, IMEI 2: 354523337135530 bên trong có gắn SIM điện thoại số 0916707268, chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị chờ xử lý.

Cáo trạng số 25/CT-VKS-P2 ngày 27/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc số tiền 80.000.000đồng đến 100.000.000đồng.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Trường Giang số tiền 141.728.767 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

\* Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:



- Buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc nộp lại số tiền 1.394.400.000 đồng và bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Trường Giang liên đới nộp lại số tiền 1.305.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc phải nộp lại số tiền 31.671.233 đồng để sung quỹ Nhà nước.

*\* Về xử lý vật chứng:*

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại IPHONE 12 PRO màu xám, đã qua sử dụng, số IMEI: 354523337369964, IMEI 2: 354523337135530.

- Tịch thu, tiêu hủy SIM điện thoại số 0916707268.

*\* Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa:* bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Trị, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng quy định pháp luật.

[2] Xác định tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với ông Nguyễn Trường Giang, ông Giang cho rằng việc bà Nguyễn Thị Tuyết là vợ ông Giang và bị cáo Ngọc góp vốn vay mượn kinh doanh bất động sản ông Giang có biết các khoản vay của bà Tuyết nhưng không liên quan, đến khi thị trường bất động sản chững lại thì ông Giang có viết và ký vào giấy vay tiền với bị cáo Ngọc để giảm lãi.

Xét thấy, ông Giang và bà Tuyết kết hôn với nhau vào tháng 3/2019, các khoản vay trên giữa bà Tuyết và bị cáo Ngọc giao dịch từ ngày 18/7/2023 đến ngày 01/9/2023 đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, ông Giang cho rằng có biết bà Tuyết nợ nhưng không liên quan là không có cơ sở, vì quá trình vay mượn

giữa bà Tuyết và bị cáo Ngọc, Tuyết đã dùng số tài khoản của ông Giang để giao dịch khoản lãi giữa bà Tuyết và bị cáo Ngọc. Do đó xác định ông Nguyễn Trường Giang là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với các Điều 24, 25, 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận tất cả các hành vi cũng như cách thức thực hiện tội phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định:

Với mục đích hưởng lợi, từ ngày 18/7/2023 đến ngày 01/9/2023, bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc đã cho bà Nguyễn Thị Tuyết vay nhiều lần với tổng số tiền 2.700.000.000đồng, lãi suất 109,5%/năm (3.000đồng/1.000.000đồng/ngày), vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Bà Tuyết đã trả cho bị cáo Ngọc tổng số tiền lãi là 173.400.000 đồng, trong đó tiền lãi bị cáo Ngọc được hưởng theo quy định là 31.671.233 đồng, số tiền bị cáo Ngọc thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng là 141.728.767 đồng.

Hành vi của bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc thông qua các giao dịch dân sự đã cho bà Nguyễn Thị Tuyết vay với mức lãi suất gấp hơn 05 lần (109,5%/năm) theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 141.728.767 đồng nên đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, điều luật có khung hình phạt bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Vì vậy, Cáo trạng số 25/CT-VKSQT-P1 ngày 27/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên vẫn cố tình phạm tội. Hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cũng cần phải xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; chồng bị cáo được Nhà nước tặng thưởng nhiều huy chương “*Chiến sỹ vẻ vang*”, bị cáo nhiều năm liên được Chủ tịch Ủy ban tỉnh tặng Bằng khen, gia đình có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Tuyết yêu cầu bị cáo Ngọc trả lại số tiền thu lợi bất chính là 141.728.767 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Trường Giang số tiền 141.728.767 đồng.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc cho bà Nguyễn Thị Tuyết vay nhiều lần trong đó từng lần vay đều độc lập nên theo quy định phải tổng hợp các lần lại thành tang số phạm tội 2.700.000.000 đồng (trong đó bà Tuyết đã trả 1.394.400.000 đồng, chưa trả 1.305.600.000 đồng). Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc nộp lại số tiền 1.394.400.000 đồng và bà Tuyết và ông Giang liên đới nộp lại số tiền 1.305.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 31.671.233 đồng: đây là số tiền bị cáo đã thu khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), là khoản tiền thu lợi từ hành vi phạm tội mà có nên cần áp dụng Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là 02 giấy mượn tiền trên có chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Trường Giang và bà Nguyễn Thị Tuyết cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với điện thoại IPHONE 12 PRO màu xám, đã qua sử dụng, số IMEI: 354523337369964, IMEI 2: 354523337135530 của bị cáo, xét thấy đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Sim điện thoại số 0916707268 không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Trường Giang số tiền 141.728.767 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc nộp lại số tiền 1.394.400.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Trường Giang liên đới nộp lại số tiền 1.305.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc phải nộp lại số tiền 31.671.233 đồng để sung quỹ Nhà nước.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.*

#### **5. Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone, màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy (*không kiểm tra được đời máy, số Imei và số điện thoại do máy không khởi động lên được*).

- Tịch thu, tiêu hủy SIM vinaphone in số 89840200010683924922.

*(Các vật chứng hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị với Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).*

**6. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Hoàng Thị Ánh Ngọc phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.086.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**7.** Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.



***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV; tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoài Thủy**